

Số: 2065 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng hoàn trả lại một số trạm bơm, đoạn kênh phải di dời, bị hư hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công Dự án Cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Hưng Yên đến năm 2015, định hướng 2020;

Căn cứ Công văn số 1108/UBND-KT1 ngày 11/ 7/ 2013 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế công trình Xây dựng hoàn trả một số trạm bơm, đoạn kênh phải di dời, bị hư hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công Dự án Cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN ngày 28/10 /2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng hoàn trả lại một số trạm bơm, đoạn kênh phải di dời, bị hư hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công Dự án Cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng hoàn trả lại một số trạm bơm, đoạn kênh phải di dời, bị hư hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công Dự án Cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên.

2. Địa điểm xây dựng: Huyện Kim Động và thành phố Hưng Yên.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi.

5. Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT: Th.s Nguyễn Quang Huy.

6. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn trả lại một số trạm bơm, đoạn kênh phải di dời, bị hư hỏng trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công dự án cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên nhằm đảm bảo nhiệm vụ dẫn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh thuộc huyện Kim Động và thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

7. Diện tích sử dụng đất: Công trình xây dựng trên hiện trạng công trình cũ và hành lang công trình thủy lợi.

8. Loại, cấp công trình: Công trình thủy lợi, cấp IV.

9. Nội dung và quy mô đầu tư (Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu):

- Xây dựng hoàn trả bể hút, bể xả, nhà máy và 489,7m kênh của trạm bơm Chùa Bụt: Bể hút kết cấu BTCT M200, cao trình đáy -0,75m, cao trình đỉnh tường +3,40m, nền móng xử lý cọc tre; Bể xả kết cấu BTCT M200, cao trình đáy +2,20m, cao trình đỉnh tường +3,60m; Nhà máy kết cấu tường chịu lực xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, sàn mái đổ BTCT M200, cao trình nền +3,60m; Kênh có kết cấu kênh đất, chiều rộng đáy kênh $B = 0,90\text{m}$, hệ số mái $m = 1,50$, cao trình đáy kênh giáp bể xả +2,20m, độ dốc dọc $i = 0,0002$, cao trình đỉnh bờ phía ruộng +3,10m.

- Xây dựng hoàn trả bể hút, bể xả, nhà máy và 174,11m kênh của trạm bơm Thổ Cầu: Bể hút kết cấu BTCT M200, cao trình đáy -0,75m, cao trình đỉnh tường +3,50m, nền móng xử lý cọc tre; Bể xả kết cấu BTCT M200, cao trình đáy +2,0m, cao trình đỉnh tường +3,80m; Nhà máy kết cấu tường chịu lực xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, sàn mái đổ BTCT M200, cao trình nền +3,70m; Kênh có kết cấu kênh đất, chiều rộng đáy kênh $B = 0,70\text{m}$, hệ số mái $m = 1,50$, cao trình đáy kênh giáp bể xả +1,80m, độ dốc dọc $i = 0,0002$, cao trình đỉnh bờ phía ruộng +2,80m.

- Xây dựng hoàn trả bể xả và 70,75m kênh của trạm bơm Tạ Thượng: Bể xả kết cấu BTCT M200, cao trình đáy +1,90m, cao trình đỉnh tường +3,40m, nền móng xử lý cọc tre; Kênh có kết cấu BTCT M200, kênh hình chữ nhật $b \times h = 0,8 \times 1,50\text{m}$, cao trình đáy kênh giáp bể xả +1,90m, độ dốc dọc $i = 0,0001$.

- Xây dựng hoàn trả bể hút, bể xả, nhà máy của trạm bơm Phú Cốc và 829,7m kênh nối từ trạm bơm Phú Cốc đến Cốc Khê: Bể hút kết cấu BTCT M200, cao trình đáy -0,75m, cao trình đỉnh tường +3,40m, nền móng xử lý cọc tre; Bể xả kết cấu BTCT M200, cao trình đáy +2,10m, cao trình đỉnh tường +3,80m; Nhà máy

kết cấu tường chịu lực xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, sàn mái đổ BTCT M200, cao trình nền +3,60m; Kênh có kết cấu kênh đất, chiều rộng đáy kênh B = 1,20m, hệ số mái m = 1,50, cao trình đáy kênh giáp bề xả +2,10m, độ dốc dọc i = 0,0002, cao trình đỉnh bờ phía ruộng +3,10m.

- Xây dựng hoàn trả 223m kênh của trạm bơm Đào Lâm và 85,5m² nhà quản lý trạm bơm Đồng Lý: Kênh có kết cấu kênh đất, chiều rộng đáy kênh B=0,9m, hệ số mái m = 1,50, cao trình đáy kênh giáp bề xả +1,48m, độ dốc dọc i = 0,0002, cao trình đỉnh bờ phía ruộng +2,45m; Nhà quản lý kết cấu tường chịu lực xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, sàn mái đổ BTCT M200, cao trình nền +4,0m.

- Xây dựng hoàn trả bề xả, cống tưới và 33,2m kênh của trạm bơm thôn Triều Tiên, Vạn Tường xã Bảo Khê: Bể xả kết cấu đáy BTCT M200, tường xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, cao trình đáy +2,38m, cao trình đỉnh tường +3,08m; Kênh có kết cấu đáy BTCT M200, tường xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, kênh hình chữ nhật b_{xh} = 0,60x0,70m, cao trình đáy kênh giáp bề xả +2,38m, độ dốc dọc i = 0,0001; Cống tưới qua đường tiết diện cống b_{xh}=0,60x0,70m, chiều dài L=8,0m, kết cấu BTCT M200.

- Xây dựng 190m rãnh và một số cống thoát nước khu dân cư thôn Vạn Tường xã Bảo Khê: Rãnh có kết cấu đáy BTCT M200, tường xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, rãnh hình chữ nhật b_{xh} = 0,50x0,70m, cao trình đáy rãnh tại C₁= +2,95m, tại C₈ =+2,90m; Cống thoát nước bằng ống cống BTCT M200 Φ500.

- Xây dựng hoàn trả 155,5m kênh nối với bề xả trạm bơm Bảo Khê: Kênh có kết cấu đáy BTCT M200, tường xây gạch chỉ đặc M75, vữa XMCV M75, kênh hình chữ nhật b_{xh} = 0,60x1,20m, cao trình đáy kênh giáp bề xả +3,65m, độ dốc dọc i = 0,0014.

(Chi tiết như trong hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định).

10. Tổng mức đầu tư: **6.851.692.000 đồng**

(Sáu tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.779.895.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	124.021.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	505.437.000 đồng
- Chi phí khác:	116.068.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	326.271.000 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng thuộc Dự án Cải tạo, mở rộng, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2013 - 2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Kim Động và thành phố Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo văn phòng;
- Lưu: VT, GTTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thơi